

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỜ ĐỎ  
TP CẦN THƠ**

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2023

*V/v Ly hôn giữa anh T và  
chị M.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Minh Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Hồng Lưu

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2023/QĐXX-ST ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Minh T, sinh năm 1988; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Lưu Thị M, sinh năm 1993; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Võ Minh T trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Vào năm 2010, do quen biết, tìm hiểu, Anh Võ Minh T và Chị Lưu Thị M tự nguyện tiến đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính

tình không phù hợp dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả nên đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị M.

*Về con chung:* Có 02 con chung: Cháu Võ Thị Kim N, sinh ngày 01/3/2011 và cháu Võ Minh V, sinh ngày 24/11/2014, hiện cháu đang chung sống với anh T. Anh T yêu cầu được giành quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Về nghĩa vụ chung:* Không có.

*Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Lưu Thị M trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Vào năm 2010, do mai mối, tìm hiểu, chị Lưu Thị M và Anh Võ Minh T tự nguyện tiến đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng chồng không còn tình cảm với nhau. Qua yêu cầu xin ly hôn của anh T, chị M có ý kiến như sau:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị M đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

*Về con chung:* Có 02 con chung: Cháu Võ Thị Kim N, sinh ngày 01/3/2011 và cháu Võ Minh V, sinh ngày 24/11/2014. Chị M đồng ý giao 02 cháu cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành và không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Về nghĩa vụ chung:* Không có.

*Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ:*

*Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa anh Võ Minh T và chị Lưu Thị M.

*Về nuôi con chung:* Giao cháu Võ Thị Kim N, sinh ngày 01/3/2011 và cháu Võ Minh V, sinh ngày 24/11/2014 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

*Về chia tài sản chung:* Anh T và chị M xác định không có nên không xem xét giải quyết.

*Về nghĩa vụ chung:* Anh T và chị M xác định không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc tham gia tố tụng:* Bị đơn chị Lưu Thị M vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt chị M.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của anh T và chị M được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, có cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng thừa nhận thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng rất hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn. Theo anh T cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên đã sống ly thân với nhau. Chị M cho rằng tình cảm vợ chồng không còn. Thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Anh T đã nộp đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý giải quyết cũng tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị M vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, anh T cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với chị M, chị M tiếp tục vắng mặt không rõ lý do. Quá trình giải quyết vụ án, chị M đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, anh T xin ly hôn với chị M là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Có 02 con chung: Cháu Võ Thị Kim N, sinh ngày 01/3/2011 và cháu Võ Minh V, sinh ngày 24/11/2014, hiện cháu đang chung sống với anh T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T yêu cầu được giành quyền nuôi 02 cháu đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Chị M đồng ý giao 02 cháu cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[2.3] *Tài sản chung:* Anh T và chị M xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[2.4] *Nghĩa vụ chung:* Anh T và chị M xác định không có.

[3] *Án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Từ những căn cứ trên, việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đúng pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Võ Minh T và chị Lưu Thị M.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Võ Thị Kim N, sinh ngày 01/3/2011 và cháu Võ Minh V, sinh ngày 24/11/2014 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom con chung cho chị M, không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, chị M không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị M.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. *Về chia tài sản chung*: Anh T và chị M xác định không có.

4. *Về nghĩa vụ chung*: Anh T và chị M xác định không có.

5. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Nguyên đơn anh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009831 ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Công nhận anh T đã nộp xong.

6. *Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn*.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

*7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TANDTPCT;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Thạnh Phú;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Minh Phụng**